



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 7

Số 52 (15/7/2008)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>THÀNH PHỐ</b>		
21-6-2008	Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND về việc ban hành bảng giá tính mức giá xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá gỗ tròn, gỗ xẻ, động vật hoang dã và thủy hải sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	3
23-6-2008	Quyết định số 55/2008/QĐ-UBND về hợp nhất Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch với Sở Văn hóa và Thông tin thành Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.	15
23-6-2008	Quyết định số 56/2008/QĐ-UBND về sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo và Dân tộc vào Sở Nội vụ và bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ.	18

- 23-6-2008 - Quyết định số 57/2008/QĐ-UBND về giải thể Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em thành phố, chuyển các chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em thành phố sang các Sở - ngành có liên quan. 20
- 23-6-2008 - Quyết định số 2684/QĐ-UBND về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh. 22
- 27-6-2008 - Quyết định số 58/2008/QĐ-UBND về hợp nhất Viện Kinh tế, Viện Nghiên cứu Xã hội và Viện Quy hoạch Xây dựng thành Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hồ Chí Minh. 26
- 27-6-2008 - Quyết định số 2739/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1976 đến năm 2008. 30

## QUẬN TÂN BÌNH

- 27-6-2008 - Nghị quyết số 36/2008/NQ-HĐND về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận Tân Bình. 42
- 27-6-2008 - Nghị quyết số 37/2008/NQ-HĐND về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của 15 phường quận Tân Bình. 44
- 27-6-2008 - Nghị quyết số 38/2008/NQ-HĐND về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007. 46
- 27-6-2008 - Nghị quyết số 39/2008/NQ-HĐND về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2008. 48

**THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành bảng giá tính mức giá xử phạt vi phạm hành chính  
và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá gỗ tròn, gỗ xẻ,  
động vật hoang dã và thủy hải sản trên địa bàn  
thành phố Hồ Chí Minh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 159/2007/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 597/TTr-SNN-KL ngày 05 tháng 5 năm 2008,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này bảng giá tính mức giá xử phạt vi phạm hành chính và làm cơ sở tính giá khởi điểm bán đấu giá gỗ tròn, gỗ xẻ, động vật hoang dã và thủy hải sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (Đính kèm bảng giá gỗ tròn, gỗ xẻ, lâm sản khác, động vật hoang dã và thủy hải sản).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 158/2002/QĐ-UB ngày 24 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân

dân thành phố về việc duyệt bảng giá tính thuế tài nguyên gỗ tròn, gỗ xẻ, động vật hoang dã và thủy hải sản.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Thương mại, Giám đốc Sở Du lịch, Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**BẢNG I: BẢNG GIÁ TÍNH MỨC GIÁ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẦU GIÁ CÁC LOẠI GỖ TRÒN  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Nhóm gỗ	Đường kính dưới 25cm			Đường kính từ 25 đến 40cm			Đường kính trên 40cm		
	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m
I	3.000	3.500	4.000	4.200	4.500	5.000	8.000	9.000	10.000
II	2.500	3.000	3.500	4.000	4.200	4.800	6.000	7.000	8.000
III	2.000	2.500	3.000	3.200	3.500	4.000	5.000	6.000	7.000
IV	2.500	2.700	2.900	3.100	3.300	3.500	4.000	5.000	6.000
V	2.000	2.200	2.500	2.800	3.000	3.200	3.500	4.000	5.000
VI - VIII	1.500	1.800	2.000	2.200	2.500	3.000	3.300	3.700	4.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**BẢNG II: BẢNG GIÁ TÍNH MỨC GIÁ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH  
VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẦU GIÁ CÁC LOẠI GỖ XẼ, GỖ ĐẼO HỘP  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Nhóm gỗ	Mặt rộng < 35cm			Mặt rộng ≥ 35cm			Mặt rộng ≥ 70cm		
	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m	Dài dưới 2m	Dài từ 2m đến 4m	Dài trên 4m
I	6.000	6.500	7.000	7.200	7.500	8.000	10.000	12.000	15.000
II	5.000	5.500	6.000	6.200	6.500	7.000	8.000	9.000	10.000
III	4.000	4.500	5.000	5.200	5.500	6.000	7.000	8.000	9.000
IV	3.000	3.500	4.000	4.200	4.500	5.000	6.000	7.000	8.000
V	2.000	2.500	3.000	3.200	3.500	4.000	5.000	6.000	7.000
VI - VIII	1.500	1.800	2.000	2.200	2.500	3.000	4.000	5.000	6.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**BẢNG III: BẢNG GIÁ TÍNH MỨC GIÁ XỬ PHẠT VI PHẠM  
HÀNH CHÍNH VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ  
KHỞI ĐIỂM BÁN ĐẦU GIÁ CÁC LOẠI LÂM SẢN KHÁC  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

- 1. Trâm hương:** Loại 1 đến 3: 5.000.000 đồng/kg  
Loại 4 đến 5: 3.000.000 đồng/kg  
Loại 6 đến 8: 2.000.000 đồng/kg
- 2. Tinh dầu:** Trâm: 60.000.000 đồng/lít  
Xá Xi: 20.000.000 đồng/lít
- 3. Lâm sản phụ:** Chai cục: 3.000 đồng/kg  
Dầu chai: 5.000 đồng/kg  
Nhựa Thông: 10.000 đồng/kg  
Dầu Rái: 5.000 đồng/kg.  
Than hầm: 3.000 đồng/kg.  
Bột nhang: 1.000 đồng/kg.  
Gốc cây kiềng đường kính < 25cm: 100.000 đồng/gốc
- 4. Tre:** 5.000 đồng/cây
- 5. Lò ô, song mây:** 10.000 đồng/cây
- 6. Đước:** Cây: D > 6 - 18cm, dài > 3m: 40.000 đồng/cây  
D < 6 - 18cm, dài > 3m: 20.000 đồng/cây  
Ster: D > 6 - 18cm: 160.000 đồng/ster.  
D < 6cm: 50.000 đồng/cây
- 7. Thiên tuế:** 500.000 đồng/cây.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**BẢNG IV: BẢNG GIÁ TÍNH MỨC GIÁ XỬ PHẠT  
VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ LÀM CƠ SỞ TÍNH GIÁ KHỞI ĐIỂM BÁN  
CÁC LOẠI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ  
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*(Kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: Ngàn đồng

TT	Tên loài	Giá bán		Ghi chú
		Con	Ký	
<b>I</b>	<b>BỘ CÁNH DA</b>			
1	Chồn bay	500.000		
<b>II</b>	<b>BỘ KHỈ HẦU</b>			
2	Cu ly các loại	100.000		
3	Khỉ đuôi dài	500.000		
4	Khỉ Sư Tử	300.000		
5	Khỉ đuôi Lợn	300.000		10 - 15kg
6	Khỉ Vàng	200.000		
7	Khỉ mặt đỏ	400.000		
8	Khỉ Mắc	400.000		
9	Voọc các loại	1.500.000		
10	Vượn các loại	1.200.000		
11	Tinh tinh	5.000.000		
<b>III</b>	<b>BỘ THÚ ĂN THỊT</b>			
12	Báo gấm	10.000.000		
13	Báo Hoa Mai	7.000.000		
14	Beo lửa	5.000.000		
15	Cáo lửa	300.000		
16	Cây giông		100.000	
17	Cây mũi đỏ		100.000	
18	Cây vằn	150.000		
19	Chồn Gấu	2.000.000	150.000	



20	Chó rừng	500.000		
21	Chồn vàng		120.000	
22	Cầy vòi mốc		125.000	
23	Chồn hương		125.000	
24	Hổ		2.000.000	
25	Gấu Ngựa	20.000.000		
26	Gấu Chó	10.000.000		
27	Mèo rừng các loại	2.000.000		
28	Triết các loại		150.000	
29	Sói đỏ	300.000		
30	Rái cá các loại	500.000		
<b>IV</b>	<b>BỘ MÓNG GUỐC</b>			
32	Bò rừng	10.000.000		
33	Bò Xám	15.000.000		
34	Bò Tót	30.000.000		
35	Cheo Cheo		120.000	
36	Hươu vàng	10.000.000		
37	Hươu xạ	5.000.000		
38	Heo rừng		100.000	
39	Mang các loại		100.000	
40	Mễn		100.000	
41	Nai		80.000	
42	Nai cà tong		100.000	
43	Sao La	5.000.000		
44	Sơn Dương	5.000.000		
45	Trâu rừng	10.000.000		
<b>V</b>	<b>BỘ CÁ SÁU</b>			
46	Cá sấu các loại		60.000	
<b>VI</b>	<b>BỘ THỎ RỪNG</b>			
47	Thỏ Vằn	300.000	35.000	

<b>VII</b>	<b>BỘ HẠC</b>			
48	Cò - Diệc	20.000		
49	Cò Thià	30.000		
50	Hạc cổ trắng	300.000		
51	Già đầy các loại	200.000		
52	Quắm cánh xanh	50.000		
53	Quắm lớn	200.000		
<b>VIII</b>	<b>BỘ GÀ</b>			
54	Công	1.200.000		
55	Gà tiền mặt đỏ	200.000		
56	Gà tiền mặt vàng	150.000		
57	Gà lôi các loại	200.000		
58	Ô Tác	60.000		
59	Trĩ các loại	250.000		
60	Sếu đầu đỏ	300.000		
61	Trích (Gà nước)	50.000		
<b>IX</b>	<b>BỘ SẢ</b>			
62	Bìm bịp	100.000		
63	Cao cát	150.000		
64	Chim Cắt	30.000		
65	Diều đầu trắng	120.000		
66	Diều hâu	150.000		
67	Đại bàng	900.000		
68	Hồng Hoàng	800.000		
69	Le Le	40.000		
70	Ó Biển	150.000		
71	Niệc các loại	400.000		
72	Vịt trời	50.000		
73	Quạ	50.000		
<b>X</b>	<b>BỘ CÓ VÂY</b>			
74	Cắc Ké	10.000		

75	Kỳ đà các loại		170.000	
76	Giông		70.000	
77	Rắn Hồ Chúa		410.000	
78	Rắn Ráo trâu (Hồ Trâu, Hồ Hèo)		170.000	
79	Rắn Hồ Ngựa (Sọc Dưa)		170.000	
80	Rắn lục		60.000	
81	Rắn Hồ Hành		100.000	
82	Rắn Hồ Mây		100.000	
83	Rắn Lãi (ráo thường)		100.000	
84	Rắn Trung		100.000	
85	Rắn Hồ Mèo		100.000	
86	Rắn Choàm quạp		100.000	
87	Rắn nước, ri voi, ri cá		50.000	
88	Rắn cạp nia		100.000	
89	Rắn cạp nong (Mai gầm)		100.000	
90	Tắc Kè	20.000		
91	Trăn các loại		80.000	
92	Thằn lằn núi	5.000		
93	Tê tê các loại		800.000	
94	Kỳ Tôm (rồng đất)		100.000	
<b>XI</b>	<b>BỘ CÓ ĐUÔI</b>			
95	Cá cóc Tam đảo	100.000		
<b>XII</b>	<b>BỘ RÙA</b>			
96	Cua đing		300.000	
97	Rùa Ba gờ		100.000	
98	Rùa Cổ bự		100.000	
99	Rùa Răng (càng Đước)		100.000	
100	Rùa đầu to		100.000	
101	Rùa đất các loại		100.000	
102	Rùa hộp các loại		100.000	
103	Rùa núi viên		100.000	

104	Rùa núi vàng		180.000	
105	Rùa trung bộ		100.000	
<b>XIII</b>	<b>BỘ SẾ</b>			
106	Chích chòe các loại	50.000		
107	Chèo bẻo	30.000		
108	Họa Mi	50.000		
109	Chia vôi	100.000		
110	Khướu các loại	50.000		
111	Sáo các loại	15.000		
112	Chim sẻ	5.000		
113	Chim lá mía	5.000		
114	Chim cu đất	10.000		
115	Yểng (Nhông)	50.000		
116	Vành khuyên	50.000		
117	Chào mào	50.000		
<b>XIV</b>	<b>BỘ VỆT</b>			
118	Vẹt các loại	30.000		
<b>XV</b>	<b>BỘ BÒ NÔNG</b>			
119	Bò nông các loại	150.000		
<b>XVI</b>	<b>BỘ CÚ</b>			
120	Cú lợn các loại	120.000		
121	Cú Mèo	150.000		
122	Dù di	80.000		
<b>XVII</b>	<b>BỘ DƠI</b>			
123	Dơi ngựa	50.000		
124	Dơi quạ	50.000		
<b>XVIII</b>	<b>BỘ YẾN</b>			
125	Yến Hàng	30.000		
126	Yến Phụng	15.000		
<b>XIX</b>	<b>BỘ GẠM NHĂM</b>			
127	Don		100.000	

128	Dúi		70.000	
129	Nhím		140.000	
130	Sóc bay các loại	120.000		
131	Hải ly	100.000		
<b>XX</b>	<b>BỘ CÁNH VÂY</b>			
132	Bướm các loại	5.000		
<b>XXI</b>	<b>BỘ CÁNH CỨNG</b>			
133	Bồ cũi	400		
<b>XXII</b>	<b>BỘ HÌNH NHỆN</b>			
134	Bò Cạp	5.000		
135	Nhện	1.000		

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**BẢNG V: BẢNG GIÁ CÁC LOÀI THỦY HẢI SẢN CẮM KHAI THÁC**  
(Kèm theo Quyết định số 54/2008/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2008  
của Ủy ban nhân dân thành phố)

STT	Tên loài	Đơn giá	Ghi chú
1	Trai Ngọc	150.000đ/kg	
2	Cá Cháy	100.000đ/kg	
3	Cá Chình mun	300.000đ/kg	
4	Cá Còm	50.000đ/kg	
5	Cá Tra Sóc	50.000đ/kg	
6	Cá Tra đầu	50.000đ/kg	
7	Cá Heo vây trắng	10.000.000đ/con	
8	Cá Heo	10.000.000đ/con	
9	Cá Voi	20.000.000đ/con	
10	Cá Ông Sư	10.000.000đ/con	
11	Cá Nàng Tiên	10.000.000đ/con	
12	Cá Hồ	200.000đ/kg	
13	Cá Chia Vôi sông	300.000đ/kg	
14	Vích và trứng	300.000đ/kg	
15	Rùa da và trứng	300.000đ/kg	
16	Đồi Mồi và trứng	300.000đ/kg	
17	Đồi Mồi dừa và trứng	300.000đ/kg	
18	Bộ San hô cứng	60.000đ/kg	
19	San hô đen	60.000đ/kg	
20	San hô đá	60.000đ/kg	
21	San hô xanh	60.000đ/kg	
22	Bộ San hô sừng	60.000đ/kg	
23	Cá Anh Vũ	2.000.000đ/con	
24	Cá Rồng	10.000.000đ/con	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 55/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về hợp nhất Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch với  
Sở Văn hóa và Thông tin thành Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 355/TTr-SNV ngày 18 tháng 6 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay hợp nhất Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch với Sở Văn hóa và Thông tin thành Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch; đồng thời chuyển chức năng nhiệm vụ và tổ chức bộ máy quản lý về báo chí, xuất bản của Sở Văn hóa và Thông tin cho Sở Thông tin và Truyền thông; tiếp nhận chức năng và tổ chức về gia đình từ Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố.

Trụ sở của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch đặt tại số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### **Điều 2. Vị trí và chức năng của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch**

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản

lý nhà nước về văn hóa, thể dục, thể thao và du lịch; gia đình; quảng cáo (trừ quảng cáo trên các phương tiện báo chí, mạng thông tin máy tính và xuất bản phẩm).

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch có tư cách pháp nhân, con dấu và tài khoản riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách nhà nước theo quy định.

Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về nghiệp vụ của các Bộ - ngành có liên quan.

**Điều 3.** Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch do Giám đốc phụ trách và các Phó Giám đốc giúp việc theo quy định.

Biên chế của Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng chỉ tiêu biên chế hàng năm của thành phố. Trước mắt giữ nguyên chỉ tiêu biên chế hiện có của Sở Văn hóa và Thông tin (trừ biên chế quản lý về báo chí, xuất bản chuyển giao cho Sở Thông tin và Truyền thông), biên chế của Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch và biên chế của bộ phận quản lý nhà nước về gia đình của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố.

**Điều 4.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Thể dục Thể thao, Sở Du lịch, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố thực hiện việc hợp nhất, bàn giao, tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 1 theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giao Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

**Điều 6.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 50/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về hợp nhất Sở Văn hóa và Thông tin, Sở Thể dục Thể thao thành Sở Văn hóa và Thể thao thành phố và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 7.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Văn hóa và Thông tin, Giám đốc Sở Thể dục Thể thao, Giám đốc Sở Du lịch, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Chủ



nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo và Dân tộc  
vào Sở Nội vụ và bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố  
tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 355/TTr-SNV ngày 18 tháng 6 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo và Dân tộc vào Sở Nội vụ, đồng thời bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ.

**Điều 2.** Sở Nội vụ là cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nội vụ, gồm: tổ chức bộ máy; biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn; tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo và thi đua - khen thưởng.

Sở Nội vụ chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban

nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo kiểm tra chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Nội vụ.

**Điều 3.** Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ban Thi đua - Khen thưởng, Ban Tôn giáo và Dân tộc, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện việc sáp nhập chuyển giao nhiệm vụ tổ chức, bộ máy quy định tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giám đốc Sở Nội vụ căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hợp lý hoạt động có hiệu lực, hiệu quả, bố trí cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chức danh, tiêu chuẩn ngạch công chức, viên chức nhà nước theo quy định của pháp luật; xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 51/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về sáp nhập Ban Thi đua - Khen thưởng vào Sở Nội vụ và bổ sung chức năng giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức, quản lý về văn thư lưu trữ nhà nước cho Sở Nội vụ và các quy định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Trưởng Ban Thi đua - Khen thưởng thành phố, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố,  
chuyển các chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em  
thành phố sang các Sở - ngành có liên quan**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1001/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về việc giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, chuyển các chức năng của Ủy ban này sang các Bộ có liên quan thực hiện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 277/TTr-SNV ngày 15 tháng 5 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố (được thành lập theo Quyết định số 72/2001/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố).

**Điều 2.** Chuyển các chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố sang các Sở có liên quan thực hiện như sau:

1. Chuyển chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về dân số và chuyển nguyên trạng về tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân số thuộc Ủy

ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, bao gồm: Phòng Kế hoạch Dân số, Phòng Quản lý Dự án, Văn phòng, Trung tâm Tư vấn Dịch vụ Dân số Gia đình Trẻ em cho Sở Y tế;

2. Chuyên chức năng, nhiệm vụ quản lý Nhà nước về gia đình và chuyên nguyên trạng tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức Phòng Gia đình thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cho Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

3. Chuyên chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về trẻ em và chuyên nguyên trạng tổ chức, biên chế cán bộ, công chức, viên chức thuộc Phòng Bảo vệ chăm sóc trẻ em, Thanh tra, Báo Yêu trẻ thuộc Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố thực hiện thủ tục chuyển giao chức năng nhiệm vụ, bàn giao tài sản, tài chính cho các Sở - ngành liên quan theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Bãi bỏ Quyết định số 72/2001/QĐ-UB ngày 29 tháng 8 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố; Quyết định số 130/2005/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Thanh tra Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố và các quyết định trước đây trái với Quyết định này.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về giải thể Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố, chuyển các chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố sang các Sở - ngành có liên quan.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em thành phố, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2684/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 6 năm 2008*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000  
Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú,  
thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về việc quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các Khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 65/TTg ngày 01 tháng 02 năm 1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 478 BXD/KTQH ngày 18 tháng 10 năm 1997 và Quyết định số 69/QĐ-BXD ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Văn bản số 652/TTg-CN ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh quy mô Khu công nghiệp Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

Xét Tờ trình số 2040/CV-KCN-XD ngày 24 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình và Tờ trình số 142/BQL-KCN-HCM ngày 22 tháng 01 năm 2008 của Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình. Kèm theo thuyết minh, hồ sơ pháp lý và bản vẽ tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Sài Thành thiết lập,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh với các nội dung chính như sau: (kèm theo bản vẽ và thuyết minh điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/2000).

#### **1. Lý do điều chỉnh:**

Điều chỉnh tổng mặt bằng, cân đối lại tỷ lệ sử dụng đất trong quy hoạch để phù hợp thực tế đầu tư như:

- Giảm 19,75ha đất công nghiệp do mật độ dân cư dày đặc, chùng lán ranh với dự án Tham Lương - Bến Cát.

- Chuyển đổi vị trí xây dựng công trình công cộng, bổ sung thêm khu phân loại và xử lý rác thải, chuyển đổi đất phụ trợ sang đất kho bãi.

#### **2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết:**

2.1. Khu đất lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết có diện tích 105,95ha thuộc Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch chi tiết:

- Phía Đông Nam giáp đường Tây Thạnh và kênh 19/5;

- Phía Tây Nam giáp khu dân cư Sơn Kỳ;

- Phía Tây Bắc giáp phường Bình Hưng Hòa và kênh Tham Lương;

- Phía Bắc giáp quận 12.

**3. Tính chất:** Bố trí các xí nghiệp thuộc ngành công nghiệp không gây ô nhiễm như: công nghiệp cơ khí, lắp ráp điện tử, may mặc, dệt, da, nhựa, cao su, đồ mộc gia dụng, dược phẩm và chế biến lương thực thực phẩm.

- Không bố trí các dự án mới hoặc mở rộng có thâm dụng lao động, giá trị gia tăng và hàm lượng chất xám thấp, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

#### **4. Quy hoạch sử dụng đất:**

##### 4.1. Cơ cấu sử dụng đất đai:

- Đất xây dựng công trình công nghiệp: 74,25ha chiếm 70,08%
- Đất xây dựng công trình kho, bãi: 5,82ha chiếm 5,5%
- Đất xây dựng công trình trung tâm điều hành - dịch vụ: 1,17ha chiếm 1,1%
- Đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 1,48ha chiếm 1,4%
- Đất xây dựng đường giao thông: 15,8ha chiếm 14,91%
- Đất cây xanh: 7,43ha chiếm 7,01%

**Cộng: 105,95ha chiếm 100%**

##### 4.2. Những chỉ tiêu kỹ thuật chính:

a) Đất xây dựng các công trình nhà máy, xí nghiệp công nghiệp có diện tích là 74,25ha; từng lô đất xây dựng công trình có mật độ xây dựng tối đa 60% đối với các công trình có tầng cao từ 1 ÷ 3 tầng và hệ số sử dụng đất từ 0,6 ÷ 1,8 lần; mật độ xây dựng 40% đối với các công trình có tầng cao từ 4 ÷ 5 tầng và hệ số sử dụng đất từ 1,6 ÷ 2 lần;

b) Đất xây dựng công trình nhà kho có diện tích 5,82ha; có mật độ xây dựng 70%, tầng cao xây dựng 1 tầng và hệ số sử dụng đất 0,7 lần; mật độ xây dựng 50% đối với các công trình có tầng cao xây dựng từ 2 ÷ 3 tầng, hệ số sử dụng đất từ 1 ÷ 1,5 lần và mật độ xây dựng 40% đối với các công trình từ 4 ÷ 5 tầng, hệ số sử dụng đất từ 1,6 ÷ 2 lần;

c) Đất xây dựng công trình trung tâm điều hành - dịch vụ có diện tích 1,17ha được bố trí các công trình: nhà làm việc, trung tâm điều hành, trạm y tế, ngân hàng giao dịch, triển lãm và trưng bày sản phẩm và các công trình dịch vụ, giải trí khác... Đối với từng lô đất xây dựng công trình: mật độ xây dựng tối đa 40% đối với các công trình có tầng cao từ 6 tầng;

d) Đất xây dựng công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật có diện tích 1,48ha gồm: Trạm xử lý nước thải, trạm biến thế, trạm cấp nước, trạm thu gom phân loại và xử lý rác với mật độ xây dựng 40%;

Lưu ý: Do ảnh hưởng tĩnh không của Sân bay Tân Sơn Nhất, các công trình xây dựng trên 5 tầng cần xem xét về tĩnh không.

đ) Đất cây xanh có diện tích 7,43ha được bố trí chủ yếu gần khu trung tâm, dãy cách ly vệ sinh xung quanh khu công nghiệp và trồng dọc kênh Tham Lương.



San lắp, giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp điện, chiếu sáng; cấp, thoát nước, thông tin - liên lạc... đã xây dựng tương đối hoàn chỉnh theo Quyết định số 478 BXD/KTQH ngày 18 tháng 10 năm 1997 và Quyết định số 69/QĐ-BXD ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Tân Bình, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Căn cứ nội dung quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000, Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình lập quy định điều lệ quản lý xây dựng theo quy hoạch trình Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố phê duyệt.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Trưởng Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố, Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Hữu Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2008/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về hợp nhất Viện Kinh tế, Viện Nghiên cứu Xã hội và Viện Quy hoạch  
Xây dựng thành Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội  
thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ quy định về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 213/TTr-SNV ngày 08 tháng 4 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay hợp nhất Viện Kinh tế, Viện Nghiên cứu Xã hội và Viện Quy hoạch Xây dựng thành Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố là đơn vị sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

**Điều 2.** Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tổ chức nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực kinh tế - xã hội nhân văn và quy hoạch xây dựng đô thị để tham mưu Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố những

định hướng, chiến lược, chính sách, chủ trương, kế hoạch hàng năm và dài hạn về phát triển kinh tế và xã hội của thành phố.

2. Giúp Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi, kiểm tra, phân tích đánh giá tình hình, phát hiện và đề xuất các giải pháp để đẩy mạnh việc thực hiện các chủ trương, chính sách, Nghị quyết của thành phố về lĩnh vực kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng đô thị.

3. Liên kết với các sở - ngành, quận - huyện và các đơn vị xây dựng hệ thống thông tin kinh tế - xã hội trong và ngoài nước, tổ chức mạng thông tin kinh tế thành phố nhằm dự báo kinh tế - xã hội và cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình quản lý, nghiên cứu hoạch định chính sách và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Phối hợp với các sở - ngành, quận - huyện và các đơn vị lập: Quy hoạch xây dựng vùng; quy hoạch tổng mặt bằng về xây dựng, cải tạo và phát triển cho thành phố và quận - huyện; quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, thiết kế đô thị và điểm dân cư nông thôn; quy hoạch xây dựng đô thị, khu công nghiệp, dân cư và các khu chức năng khác trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, điều chỉnh hoặc bổ sung cho phù hợp.

5. Tổ chức hợp tác nghiên cứu, tư vấn, thẩm định và cung cấp các dịch vụ trên lĩnh vực kinh tế - xã hội và quy hoạch xây dựng đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước theo yêu cầu và đúng với quy định của Nhà nước.

6. Tổ chức bồi dưỡng kiến thức về kinh tế, quản trị kinh doanh và chuyên ngành quy hoạch xây dựng đô thị cho cán bộ quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; tham gia đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, quản lý xã hội sau đại học theo quy chế đào tạo của Nhà nước.

7. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, viên chức; thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật với cán bộ, viên chức nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Viện theo quy định của pháp luật.

8. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ cho hoạt động nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố giao.

**Điều 3.** Cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố:

1. Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố do một Viện trưởng phụ trách; giúp việc cho Viện trưởng có một số Phó Viện trưởng. Viện trưởng và các Phó Viện trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm.

Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố là người đứng đầu Viện, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Viện.

2. Các tổ chức giúp Viện trưởng thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước gồm:

- Văn phòng;
- Các Phòng chuyên môn nghiệp vụ;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

**Điều 4.** Giao Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành phố phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Tài chính chỉ đạo thực hiện việc hợp nhất Viện Kinh tế, Viện Nghiên cứu Xã hội và Viện Quy hoạch Xây dựng theo đúng quy định của Nhà nước về các vấn đề có liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, đồng thời xây dựng quy chế tổ chức và hoạt động của Viện thông qua Sở Nội vụ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, ban hành.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định số 137/QĐ-UB ngày 03 tháng 8 năm 1988 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Viện Kinh tế thành phố, Quyết định số 63/2006/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn thành Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố và Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 03 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc chuyển Viện Quy hoạch Xây dựng trực thuộc Kiến trúc sư trưởng thành phố thành Viện Quy hoạch Xây dựng thành phố trực thuộc Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội thành

phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2739/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 6 năm 2008

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản  
quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh  
từ năm 1976 đến năm 2008**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ yêu cầu của Bộ Tư pháp nêu tại Công văn số 1143/BTP-KTrVB ngày 18 tháng 4 năm 2008 về thực hiện thí điểm tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 1581/TTr-STP-KTrVB ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Giám đốc Sở Tài chính tại Văn bản số 5839/STC-HCSN ngày 13 tháng 6 năm 2008,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố Hồ Chí Minh được ban hành từ năm 1976 đến năm 2008 và kinh phí thực hiện là 275.970.000 (Hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi ngàn) đồng theo Phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại  
thành phố Hồ Chí Minh được ban hành từ năm 1976 đến năm 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2739/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **A. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Xem xét đánh giá lại toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân các cấp tại thành phố Hồ Chí Minh ban hành trong thời gian từ năm 1976 đến tháng 6 năm 2008 nhằm hệ thống, công bố những văn bản đã hết hiệu lực; bãi bỏ những văn bản không còn phù hợp, trái pháp luật; hệ thống, công khai hóa văn bản còn hiệu lực; đề xuất việc sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện của văn bản quy phạm pháp luật.

2. Thực hiện thí điểm tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến của Bộ Tư pháp nêu tại Công văn số 1143/BTP-KTrVB ngày 18 tháng 4 năm 2008 nhằm rút kinh nghiệm về công tác chỉ đạo triển khai hoạt động tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản ở cấp thành phố, cấp quận - huyện, cấp phường - xã - thị trấn phục vụ cho tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản trên phạm vi toàn quốc.

3. Công tác tổng rà soát được thực hiện trên cơ sở tiếp tục hoàn thiện công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố phục vụ việc xây dựng hệ cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2007, đảm bảo các yêu cầu về việc tổ chức thí điểm tổng rà soát trên phạm vi thành phố.

### **B. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG RÀ SOÁT**

Gồm các loại văn bản được ban hành từ năm 1976 đến tháng 6 năm 2008:

1. Văn bản quy phạm pháp luật gồm nghị quyết của Hội đồng nhân dân; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp;



2. Văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức nghị quyết của Hội đồng nhân dân; quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp;

3. Văn bản có hình thức như văn bản quy phạm pháp luật hoặc có nội dung quy phạm pháp luật do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành.

## **C. TRÌNH TỰ, NỘI DUNG CÔNG VIỆC, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

### **I. Trình tự thực hiện:**

Hoạt động tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản được tiến hành theo trình tự: văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố được rà soát trước để làm cơ sở, căn cứ cho quận - huyện, phường - xã - thị trấn rà soát; cấp quận - huyện rà soát sau khi Ủy ban nhân dân thành phố công bố kết quả rà soát; phường - xã - thị trấn rà soát sau khi quận - huyện công bố kết quả rà soát.

Khi cấp Thành phố tiến hành rà soát thì cấp quận - huyện, phường - xã - thị trấn tiến hành thu thập, phân loại văn bản, xác định văn bản hết hiệu lực.

Hoạt động tổng rà soát được tiến hành theo 2 giai đoạn:

1. Giai đoạn 1: từ đầu tháng 7/2008 đến tháng 12/2008 thực hiện thí điểm tổng rà soát;

2. Giai đoạn 2: tiếp tục rà soát, hệ thống hóa và công bố kết quả chính thức ngay sau khi Trung ương thực hiện và công bố kết quả tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

### **II. Nội dung công việc và tiến độ thực hiện giai đoạn 1:**

**1. Đối với văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, sở - ngành thành phố ban hành:**

a) Tập hợp toàn bộ văn bản thuộc đối tượng rà soát, kể cả những văn bản đã bị bãi bỏ, công bố hết hiệu lực trong các đợt rà soát trước đây; tiến hành phân loại văn bản theo hình thức văn bản, sắp xếp theo thời gian ban hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 15 tháng 7 năm 2008.

b) Xác định văn bản hết hiệu lực thi hành và lập danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành:

Việc xác định văn bản hết hiệu lực thi hành căn cứ vào quy định của điểm a, b, c khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy

ban nhân dân (xác định rõ ngày hết hiệu lực, lý do hết hiệu lực, văn bản được áp dụng thay thế). Trường hợp hết hiệu lực theo điểm d khoản 1 Điều 53 (không còn đối tượng điều chỉnh) thì cần đưa vào diện đối chiếu, so sánh văn bản để xử lý cho phù hợp.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 7 năm 2008.

c) Đối chiếu, so sánh các văn bản còn lại:

Việc đối chiếu, so sánh các văn bản còn lại nhằm xác định:

- Những văn bản đã hết hiệu lực thi hành do đã được thay thế bằng văn bản mới của chính cơ quan đã ban hành văn bản đó, nhưng không được xác định rõ trong văn bản mới (điểm b khoản 1 Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân); văn bản không còn đối tượng điều chỉnh (theo điểm d khoản 1 Điều 53) để đề nghị công bố hết hiệu lực;

- Những văn bản không còn phù hợp do tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương thay đổi hoặc khi cơ quan nhà nước cấp trên ban hành văn bản mới làm cho nội dung văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân không còn phù hợp; những văn bản chứa nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo để đề nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản thay thế.

Thời gian thực hiện: trước ngày 15 tháng 8 năm 2008.

d) Tổng hợp, công bố kết quả rà soát:

Lập và công bố các danh mục văn bản:

- Danh mục chung (bao gồm toàn bộ các văn bản được tập hợp, phân loại theo hình thức, thời gian ban hành);

- Danh mục văn bản còn hiệu lực;

- Danh mục văn bản hết hiệu lực;

- Danh mục văn bản đề nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế;

- Danh mục văn bản cần ban hành mới (đối với những vấn đề cần điều chỉnh thuộc thẩm quyền nhưng chưa có quy định).

Thời gian lập và công bố kết quả rà soát: trước ngày 30 tháng 8 năm 2008.

e) Xử lý kết quả rà soát:

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bãi bỏ văn bản không còn phù hợp, quyết định công bố văn bản hết hiệu lực và văn bản còn hiệu lực. Thời gian thực hiện: trước ngày 15 tháng 9 năm 2008.

g) Lựa chọn hệ thống hóa văn bản ở các lĩnh vực: đăng ký và quản lý hộ tịch; đăng ký kinh doanh, đăng ký hộ khẩu, xây dựng, đất đai. Thời gian thực hiện trong tháng 12 năm 2008.

## **2. Đối với văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành:**

Thực hiện các nội dung như đã hướng dẫn đối với văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố trừ việc hệ thống hóa văn bản ở các lĩnh vực. Thời gian cụ thể như sau:

a) Tập hợp toàn bộ văn bản thuộc đối tượng rà soát, kể cả những văn bản đã bị bãi bỏ, công bố hết hiệu lực trong các đợt rà soát trước đây; tiến hành phân loại văn bản theo hình thức văn bản, sắp xếp theo thời gian ban hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 7 năm 2008.

b) Xác định văn bản hết hiệu lực thi hành và lập danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 15 tháng 9 năm 2008.

c) Sau khi có kết quả rà soát đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện việc đối chiếu, so sánh các văn bản còn lại do mình ban hành, nhằm xác định văn bản đã hết hiệu lực thi hành (nhưng không được minh thị); văn bản không còn phù hợp để đề nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản thay thế.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 9 năm 2008.

d) Tổng hợp, công bố kết quả rà soát:

Lập và công bố các danh mục trước ngày 15 tháng 10 năm 2008.

e) Xử lý kết quả rà soát:

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định bãi bỏ văn bản không còn phù hợp, quyết định công bố văn bản hết hiệu lực và văn bản còn hiệu lực.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 10 năm 2008.

## **3. Đối với văn bản do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn ban hành:**

Thực hiện các nội dung như đã hướng dẫn đối với văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, quận - huyện trừ việc hệ thống hóa văn bản ở các lĩnh vực. Thời gian cụ thể như sau:

a) Tập hợp toàn bộ văn bản thuộc đối tượng rà soát, kể cả những văn bản đã bị bãi bỏ, công bố hết hiệu lực trong các đợt rà soát trước đây; tiến hành phân loại văn bản theo hình thức văn bản, sắp xếp theo thời gian ban hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 7 năm 2008.

b) Xác định văn bản hết hiệu lực thi hành và lập danh mục văn bản hết hiệu lực thi hành.

Thời gian thực hiện: trước ngày 30 tháng 10 năm 2008.

c) Sau khi có kết quả rà soát đối với văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân quận - huyện, Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn thực hiện việc đối chiếu, so sánh các văn bản còn lại do mình ban hành, nhằm xác định văn bản đã hết hiệu lực thi hành (nhưng không được minh thị); văn bản không còn phù hợp để đề nghị bãi bỏ hoặc sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản thay thế.

Thời gian thực hiện: trước ngày 15 tháng 11 năm 2008.

d) Tổng hợp, công bố kết quả rà soát:

Lập và công bố các danh mục văn bản: trước ngày 30 tháng 11 năm 2008.

e) Xử lý kết quả rà soát:

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn quyết định bãi bỏ văn bản không còn phù hợp, quyết định công bố văn bản hết hiệu lực và văn bản còn hiệu lực trước ngày 15 tháng 12 năm 2008.

#### **D. BIỆN PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Ủy ban nhân dân thành phố thành lập Ban chỉ đạo tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản cấp thành phố do 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố làm Trưởng ban; Giám đốc Sở Tư pháp làm Phó ban Thường trực; thành viên gồm đại diện Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, Lãnh đạo Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố; Lãnh đạo Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng.

Tại các quận - huyện thành lập Tổ công tác rà soát văn bản do 01 Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận - huyện làm Tổ trưởng. Số lượng, thành viên cụ thể của Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

Tại phường - xã - thị trấn, công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn trực tiếp chỉ đạo, thực hiện.

2. Tổ chức hội nghị triển khai và tập huấn chuyên đề về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật cho các đối tượng là cán bộ, công chức trực tiếp tham gia vào công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản.

3. Kinh phí đảm bảo cho công tác tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản:

Kinh phí cho công tác tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm; nội dung chi, mức chi được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 158/2007/TTLT-BTC-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp hướng dẫn về quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ cho công tác kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật.

Đối với những nội dung chi, mức chi theo đặc thù của đợt tổng rà soát chưa được quy định, giao Sở Tư pháp chủ trì cùng Sở Tài chính đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

Đối với kinh phí rà soát, hệ thống hóa văn bản của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Tư pháp tiếp tục thực hiện các nội dung đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1163/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2007 và Ủy ban nhân dân thành phố cấp kinh phí bổ sung cho các công việc cần thực hiện theo Kế hoạch này (Phụ lục đính kèm).

## **E. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ**

### **1. Sở Tư pháp:**

a) Xây dựng và chủ trì thực hiện Kế hoạch tổ chức hội nghị triển khai, tập huấn chuyên đề về công tác tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản, thực hiện trong tháng 7 năm 2008;

b) Chủ trì phối hợp cùng Sở Tài chính đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về nội dung chi, mức chi phù hợp với đặc thù của đợt tổng rà soát thí điểm mà chưa được quy định để hướng dẫn thực hiện chung;

c) Quản lý, sử dụng kinh phí được cấp để thực hiện Kế hoạch này đúng quy định;

d) Chủ trì, phối hợp cùng các sở - ngành thành phố tập hợp, phân loại các văn bản thuộc đối tượng rà soát; xác định hiệu lực văn bản; rà soát, đối chiếu văn bản; tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố kết quả tổng rà soát (lập các danh mục); hệ thống hóa văn bản ở một số lĩnh vực;

e) Chủ trì kiểm tra, đôn đốc và hướng dẫn các hoạt động nghiệp vụ về rà soát văn bản để thực hiện thống nhất và hiệu quả.

g) Dự thảo báo cáo kết quả thực hiện thí điểm tổng rà soát đợt cuối tháng 7 năm 2008 và báo cáo tổng kết vào tháng 12 năm 2008 trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tư pháp.

## **2. Sở - ngành thành phố:**

Phối hợp, cùng Sở Tư pháp thực hiện việc tập hợp, phân loại văn bản thuộc đối tượng rà soát; xác định hiệu lực văn bản; rà soát, đối chiếu văn bản thuộc lĩnh vực chuyên môn sở - ngành mình phụ trách gửi Sở Tư pháp để thẩm định, tổng hợp kết quả.

## **3. Sở Tài chính:**

Ngoài thực hiện nội dung công việc nêu tại điểm 2 Mục này, Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng kinh phí phục vụ tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản;

b) Phối hợp cùng Sở Tư pháp đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về nội dung chi, mức chi phù hợp đặc thù của đợt tổng rà soát nhưng chưa được quy định.

## **4. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố:**

- Thực hiện nội dung nêu tại điểm 2 Mục này;

- Phối hợp cung cấp văn bản lưu trữ theo yêu cầu của Sở Tư pháp và sở - ngành thành phố để phục vụ công tác rà soát;

- Thực hiện việc công bố kết quả xử lý văn bản.

## **5. Ủy ban nhân dân quận - huyện:**

a) Quyết định thành lập Tổ công tác rà soát như nội dung đã nêu tại điểm 1 Mục D (trong tháng 6 năm 2008); chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch, phân công cụ thể, quyết định kinh phí thực hiện công tác tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản theo nội dung Kế hoạch này;

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn thực hiện tổng rà soát;

c) Thực hiện các báo cáo đợt cuối tháng 7 năm 2008 và báo cáo tổng kết đợt thí điểm về Sở Tư pháp để tổng hợp thành báo cáo chung.

## **6. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn:**

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc việc rà soát, bố trí kinh phí để việc rà soát, hệ thống hóa văn bản đạt kết quả tốt;

Phân công cán bộ tư pháp phường - xã - thị trấn thực hiện việc tổng hợp, phân loại văn bản; xác định hiệu lực văn bản; rà soát, đối chiếu văn bản; tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát.

b) Thực hiện các báo cáo đợt cuối tháng 7 năm 2008 và báo cáo tổng kết đợt thí điểm cho Ủy ban nhân dân quận - huyện để tổng hợp thành báo cáo chung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thành Tài**

**PHỤ LỤC****Về dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch tổng rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật tại thành phố ban hành từ năm 1976 đến năm 2008**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2739/QĐ-UBND  
ngày 27 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Số tiền	Ghi chú
1	Tổ chức hội nghị triển khai và tập huấn về tổng rà soát (dự toán tại kế hoạch tổ chức hội nghị)	44.320.000	
2	Phụ cấp trách nhiệm thành viên Ban Chỉ đạo - 200.000 đ/người/tháng x 10 người x 7 tháng	14.000.000	
3	Phụ cấp trách nhiệm Tổ giúp việc - 200.000 đ/người/tháng x 5 người x 7 tháng	7.000.000	
4	Chi họp xử lý kết quả rà soát - 50.000 đ/thành viên/buổi x 14 người x 7 buổi - 150.000 đ/người chủ trì x 7 buổi	5.950.000	
5	Chi thu thập văn bản (đối với những văn bản không được in tập quy định, in Công báo hoặc trên hệ cơ sở dữ liệu của thành phố) - 500 văn bản x 40.000 đ/VB	20.000.000	
6	Chi rà soát văn bản hết hiệu lực (xác định thời điểm văn bản hết hiệu lực, lý do hết hiệu lực và văn bản áp dụng thay thế) - 40.000 đồng/văn bản x 2.000 văn bản	80.000.000	
7	Chi rà soát văn bản ban hành năm 2007, 2008 và văn bản sở - ngành - 600 văn bản x 70.000 đ/văn bản	42.000.000	
8	Chi khảo sát, kiểm tra, đôn đốc công tác rà soát tại quận - huyện, xã - phường - thị trấn - 15 người x 50.000 đ/người x 10 đơn vị	7.500.000	
9	Chi soạn thảo, viết báo cáo đánh giá kết luận về đợt kiểm tra - 2 báo cáo x 100.000 đ/báo cáo	200.000	



<b>STT</b>	<b>Nội dung chi</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
10	Chi cho hoạt động nghiệp vụ hệ thống hóa văn bản ở 5 lĩnh vực - 7.000.000 đ/lĩnh vực x 5	35.000.000	
11	Văn phòng phẩm, in ấn tài liệu	20.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>275.970.000</b>	

*Tổng dự toán: Hai trăm bảy mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi ngàn đồng.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

## QUẬN TÂN BÌNH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 36/2008/NQ-HĐND

Tân Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2008

### NGHỊ QUYẾT

**Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận Tân Bình**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH KHÓA IX - KỲ HỌP LẦN THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét Tờ trình số 782/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận Tân Bình; Báo cáo thẩm định số 20/BC-KTXH của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Nhất trí nội dung Tờ trình số 782/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) trên địa bàn quận Tân Bình. Trong đó:

**- Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020:**

1. Hội đồng nhân dân quận đồng ý những nhận định về công tác quản lý đất đai, tình hình sử dụng và biến động đất đai trên địa bàn quận Tân Bình giai đoạn từ năm 2003 - 2005. Lưu ý đến những hạn chế trong quản lý và tiềm năng sử dụng đất để có biện pháp khắc phục.

2. Đồng ý chọn phương án 1 là phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010 theo hướng phát triển bền vững, cơ cấu sử dụng quỹ đất được bố trí hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng được yêu cầu sử dụng đất của các ngành, bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn quận.

**- Về kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010):**

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân quận cần có những giải pháp đồng bộ hiệu quả trong việc triển khai, tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010). Định kỳ hàng năm có kiểm tra đánh giá việc quản lý sử dụng đất, báo cáo Hội đồng nhân dân quận theo quy định.

2. Phối hợp với các ngành chức năng cấp thành phố nghiên cứu điều chỉnh lộ giới một số đường và hẻm cho phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế ở địa phương.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân quận phải tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền, phổ biến công khai rộng rãi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của quận Tân Bình trong cán bộ, công chức và nhân dân sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Thường trực Hội đồng nhân dân, hai Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn quận Tân Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, kỳ họp lần thứ 12 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Luận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2008/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2008*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và  
kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của 15 phường quận Tân Bình**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH KHÓA IX - KỲ HỌP LẦN THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét 15 Tờ trình từ số 792 đến số 806/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của 15 phường quận Tân Bình; Báo cáo thẩm định số 20/BC-KTXH của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân quận và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Nhất trí nội dung từ Tờ trình số 792 đến số 806/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của 15 phường quận Tân Bình.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân quận chỉ đạo Ủy ban nhân dân 15 phường tổ chức công bố quy hoạch, tuyên truyền, phổ biến công khai rộng rãi quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2006 - 2010) của 15 phường quận Tân Bình trong cán bộ, công chức và nhân dân sau khi quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân quận tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này sau khi được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Thường trực Hội đồng nhân dân,

hai Ban Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và các đoàn thể tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện Nghị quyết về quy hoạch sử dụng đất của 15 phường quận Tân Bình.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, kỳ họp lần thứ 12 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Luận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 38/2008/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2008*

## **NGHỊ QUYẾT**

### **Về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách quận năm 2007**

#### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH KHÓA IX - KỲ HỌP LẦN THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Sau khi xem xét báo cáo của Ủy ban nhân dân quận về tình hình thực hiện quyết toán thu - chi ngân sách năm 2007; Báo cáo thẩm định số 19/BC-KTXH ngày 20 tháng 6 năm 2008 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

#### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2007, như sau:

Căn cứ Nghị quyết số 158/2006/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân quận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2007, Hội đồng nhân dân quận ghi nhận các kết quả của Ủy ban nhân dân quận đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ tài chính - ngân sách năm 2007. Thu vượt dự toán, đảm bảo nhiệm vụ chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên... Trong điều hành ngân sách có thường xuyên kiểm tra việc thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, ngăn ngừa tiêu cực trong sử dụng ngân sách.

##### **a) Thu ngân sách:**

- Thu ngân sách nhà nước: 822,857 tỷ đồng, đạt 119,05% dự toán thành phố, tăng 48,28% so với cùng kỳ.

Thu ngân sách địa phương: 466,239 tỷ đồng, đạt 212,66% dự toán thành phố và tăng 19,56% so với cùng kỳ.

**b) Về chi ngân sách:**

Tổng chi ngân sách địa phương 311,452 tỷ đồng đạt 142,06% dự toán thành phố.

Trong đó: - Chi đầu tư phát triển 42,648 tỷ đồng;

- Chi thường xuyên 267,804 tỷ đồng.

**c) Kết dư ngân sách quận năm 2007: 139,054 tỷ đồng** (Trong đó có phần chuyển kết dư ngân sách quận năm 2006 là 129,770 tỷ đồng).

- Chuyển phần kết dư ngân sách năm 2007 sang ngân sách năm 2008 (kèm theo báo cáo thuyết minh chi tiết số kết dư ngân sách quận năm 2007 sử dụng trong năm 2008).

(Kèm theo các Phụ lục của Báo cáo số 67/TCKH ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về quyết toán thu - chi ngân sách năm 2007)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện các thủ tục quyết toán ngân sách năm 2007 theo quy định pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, kỳ họp lần thứ 12 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Luận**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 39/2008/NQ-HĐND

*Tân Bình, ngày 27 tháng 6 năm 2008*

## **NGHỊ QUYẾT**

**Về thực hiện nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm  
và nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 2008**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH KHÓA IX - KỲ HỌP LẦN THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Sau khi xem xét các báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân, báo cáo thẩm định của các Ban Hội đồng nhân dân quận, báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và của các cơ quan hữu quan, phát biểu của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân quận,

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1. Về tình hình thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2008**

Nhất trí thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng nhân dân quận, báo cáo thẩm định của các Ban Hội đồng nhân dân; báo cáo của Ủy ban nhân dân quận và các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng 6 tháng đầu năm 2008, nhiệm vụ, chỉ tiêu và giải pháp 6 tháng cuối năm 2008. Hội đồng nhân dân quận nhấn mạnh một số vấn đề sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2008, giá cả thị trường diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất - kinh doanh và đời sống nhân dân. Nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận, các đoàn thể và các tầng lớp nhân dân trong quận, các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã đạt được trong 6 tháng đầu năm 2008 theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận đề ra như: Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế, các



khoản thu ngân sách đều vượt so với dự toán, thực hiện tốt công tác giáo dục và trang bị cơ sở vật chất cho nhà trường; việc giảm hộ nghèo, chăm sóc sức khỏe nhân dân; bảo đảm an ninh quốc phòng và trật tự an toàn xã hội...

- Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn những mặt hạn chế, tồn tại cần được quan tâm như:

+ Công tác quy hoạch và công khai quy hoạch còn chậm.

+ Tiến độ triển khai các dự án, công trình trọng điểm còn chậm.

+ Thực hiện kế hoạch chủ đề “Năm 2008 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị” đạt kết quả chưa cao do ý thức chấp hành của người dân còn hạn chế và công tác quản lý nhà nước còn lúng túng, chưa xử lý kiên quyết các vi phạm về trật tự lòng lề đường và vệ sinh môi trường.

+ Tình hình trật tự an toàn xã hội diễn biến phức tạp, phạm pháp hình sự có kéo giảm nhưng còn thấp (giảm 1% so với cùng kỳ).

## **Điều 2. Thông qua các nhiệm vụ chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2008**

### **1. Về lĩnh vực kinh tế:**

- Tập trung hoàn thành các chỉ tiêu về kinh tế - ngân sách của năm 2008.

- Tăng cường kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng theo giá niêm yết; thường xuyên kiểm soát thị trường đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu; phối hợp các ngành thành phố trong thẩm định và phê duyệt dự án Trung tâm thương mại - dịch vụ Tân Bình và kế hoạch sử dụng chợ tạm.

- Duy trì công tác chỉnh trang đô thị và lập lại trật tự kinh doanh tại các tuyến đường trọng điểm, kiên quyết xử lý việc kinh doanh và giữ xe lấn chiếm lòng lề đường, vệ sinh môi trường và tăng cường trách nhiệm của 15 phường.

### **2. Về lĩnh vực nhà đất, xây dựng cơ bản:**

- Công bố đồ án quy hoạch xây dựng 1/5000, quy hoạch ngành giáo dục, quy hoạch sử dụng đất. Phối hợp thẩm định, phê duyệt và công bố đồ án quy hoạch chi tiết 1/2000 của 15 phường.

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, các công trình theo danh mục đã thông qua Hội đồng nhân dân quận và các công trình trọng điểm thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước như: Nâng cấp cải tạo công viên Hoàng Văn Thụ, công hợp kênh Tân Hóa - Lò Gốm (thành phần số 4), Đài tưởng niệm quận,

triển khai khởi công xây dựng Trường Tiểu học Thân Nhân Trung, sửa chữa các công trình trường học cho năm học mới và hoàn thành đưa vào sử dụng các trường: THCS Hoàng Hoa Thám, THCS Tân Bình, Mầm non 3, Mầm non 15...

- Tập trung thực hiện công tác bán nhà Nhà nước theo Nghị định số 61/CP.

- Tập trung phấn đấu nâng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch ở 15 phường, đặc biệt là phường 15.

### **3. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội:**

- Tiếp tục thực hiện các biện pháp chăm lo, hỗ trợ nâng mức thu nhập cho các hộ trong chương trình xóa đói giảm nghèo (tập trung ở 9 phường còn lại); đồng thời thực hiện chương trình giảm nghèo thành phố giai đoạn 2008 - 2010.

- Tiếp tục vận động nhân dân tham gia thực hiện phong trào Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, xây dựng phường văn hóa; kiểm tra công nhận khu phố tiên tiến - văn hóa theo tiêu chí mới của thành phố. Tổ chức đăng ký xây dựng phường văn hóa tại phường 6, 10, 15.

- Thực hiện tốt các chương trình chăm sóc sức khỏe, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản về y tế và sức khỏe cộng đồng, phòng, chống dịch bệnh, tăng cường quản lý tốt vệ sinh an toàn thực phẩm, không để xảy ra các vụ ngộ độc tập thể.

### **4. Về lĩnh vực an ninh - quốc phòng:**

- Đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với quản lý chặt chẽ địa bàn và tập trung mở các đợt tấn công mạnh các loại tội phạm, phấn đấu kéo giảm số vụ phạm pháp hình sự từ 5% trở lên. Tăng cường các biện pháp lập lại trật tự giao thông, trật tự đô thị trên địa bàn, hạn chế tình trạng ùn tắc giao thông, kiểm chế tai nạn giao thông.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu 3 giảm, chuyển hóa có hiệu quả các địa bàn trọng điểm, ngăn chặn không để xảy ra các tệ nạn xã hội; tập trung đối tượng lang thang, ăn xin trên địa bàn. Phối hợp quản lý và hỗ trợ người sau cai nghiện tái hòa nhập cộng đồng, hạn chế đối tượng tái nghiện.

- Chuẩn bị tốt công tác diễn tập phòng thủ năm 2008 và công tác tuyên quân năm 2009. Duy trì tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, phát triển lực lượng dự bị động viên và lực lượng dân quân tự vệ đạt chỉ tiêu.

### **Điều 3. Hội đồng nhân dân quận nhất trí thông qua**

- Tờ trình số 195/TTr-TCKH ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân

quận về việc xin chủ trương chi tạm ứng nguồn kết dư ngân sách quận xây dựng chung cư Tân Trụ tại phường 15 tạo quỹ nhà tái định cư cho các dự án trên địa bàn (Ủy ban nhân dân quận chịu trách nhiệm về tính pháp lý của dự án như quy hoạch sử dụng đất, thủ tục đầu tư xây dựng và hoàn trả vốn).

- Tờ trình số 195A/TTr-TCKH ngày 18 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân quận về việc bổ sung dự toán chi ngân sách địa phương năm 2008.

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

- Hội đồng nhân dân quận giao cho Ủy ban nhân dân quận có kế hoạch, biện pháp cụ thể tổ chức thực hiện thành công Nghị quyết này.

- Hội đồng nhân dân quận giao cho Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân quận, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân quận phối hợp hoạt động, giám sát và kiểm tra để thực hiện tốt nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận đề ra.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận Tân Bình và các tổ chức thành viên tổ chức tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết này; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước để động viên các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân quận đề ra.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân quận Tân Bình khóa IX, kỳ họp thứ 12 thông qua./.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Luận**

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 8.233.686

Fax: (84.8) 8.233.694

Email: [tcb@tphcm.gov.vn](mailto:tcb@tphcm.gov.vn)

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

**Giá: 5.000 đồng**